

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 7 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hôn.

Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm: 1985; địa chỉ: 221/34, ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984; địa chỉ: 717/26, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Vào năm 2004 bà và ông Nguyễn Văn H do mai mối, tự nguyện, tự nguyện tiến tới hôn nhân không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/3/2004.

Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, chơi cờ bạc, đá gà,... ngoài ra còn thường xuyên dùng bạo lực, đánh đập bà. Mặc dù bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Đến ngày 19/3/2024 do không thể tiếp tục sống chung với ông H được nữa nên bà đã bỏ nhà đi làm xa, cũng từ đó bà và ông H đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Từ khi ly thân thì bà và ông H không có trao đổi gì với nhau về việc hàn gắn, mỗi người có một cuộc sống riêng.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể nào sống chung với nhau được nữa nên bà Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Tô T, sinh ngày: 07/12/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 21/6/2009 (đang sống chung với ông H). Do cháu Nguyễn Thị Thúy H có nguyện vọng được sống chung với ông H nên bà đồng ý để cho ông H được quyền nuôi con, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

- Trong văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải bị đơn là ông Nguyễn Văn H (sau đây gọi tắt là ông H) trình bày:

Ông đồng ý với phần trình bày của bà Huỳnh Thị Cẩm T về thời gian kết hôn điều kiện kết hôn, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung và tài sản chung. Sau khi cưới ông và bà T chung sống hạnh phúc, cho đến cách nay khoảng 03 năm thì bắt đầu xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng đều làm ăn thua lỗ, từ đó dẫn đến nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng. Đến tháng 3 năm 2024 thì bà T tự ý bỏ nhà đi cho đến nay, từ khi bà T bỏ đi thì vợ chồng không có gặp nhau, không có trao đổi gì với nhau về việc hàn gắn, cũng từ đó ông bà đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay ông Nguyễn Văn H không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm T, vì hiện tại ông còn thương vợ nên không muốn ly hôn. Mặc dù vậy, ông không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà T.

Trong trường hợp ly hôn thì ông Nguyễn Văn H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Tô T, sinh ngày: 07/12/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 21/6/2009 (đang sống chung với ông H); ông H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Không có.

Về nợ: Ông và bà T cùng có nợ, nhưng ông không xác định được ông và bà T nợ của ai, ở đâu, nợ bao nhiêu tiền. Nay ông không muốn ly hôn mà yêu cầu bà T trở về chung sống để cùng nhau trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Cẩm T đã có văn bản xin giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

- Về hôn nhân ông Nguyễn Văn H giữ nguyên ý kiến như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đồng thời thừa nhận trong thời gian chung sống với bà T thì ông có qua lại với người phụ nữ khác ở bên ngoài, nhưng nay ông không đồng ý ly hôn vì còn thương bà T. Về con chung: Ông H cho rằng không có khả năng nuôi người con tên Nguyễn Thị Thúy H (đang sống chung với ông H), nhưng cũng không đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Thúy H cho bà T nuôi dưỡng; khi nào ông và bà T ly hôn xong ông mới xem xét đến việc nuôi con.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
- Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 21/6/2009 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản: Không yêu cầu nên không giải quyết.
- Về nợ: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” với ông Nguyễn Văn H, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T và ông H đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy đời sống vợ chồng của bà T, ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay. Tại phiên hòa giải vào ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, ông H cho rằng ông còn

thương bà T nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông H cũng xác định cuộc sống hôn nhân của ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, ông H cũng không có biện pháp gì nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà T.

Tại văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt bà T đã thể hiện ý kiến kiên quyết yêu cầu ly hôn, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông H có hai người con chung là Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày: 07/12/2003 và Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 21/6/2009. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông H yêu cầu được nuôi người con tên Nguyễn Thị Thúy H, nhưng tại phiên tòa ông H thay đổi ý kiến vì cho rằng không có khả năng nuôi con. Xét thấy, người con nhỏ là Nguyễn Thị Thúy H đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông H, bản thân ông H đang là người trực tiếp nuôi con; môi trường sinh sống, học tập của cháu Hằng đã ổn định; lý do ông H từ chối nuôi con là không có cơ sở để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hằng cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng người con chung giữa bà T và ông H tên Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày: 07/12/2003 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân; bà T và ông H đều không có yêu cầu giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét giải quyết.

[4] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà T, ông H không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Bà T, ông H thống nhất xác định không có tài sản nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ: Bà T xác định là bà và ông H không có nợ chung. Ông H cho rằng ông và bà T có nợ, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[7] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (về việc ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà Huỳnh Thị Cẩm T là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 21/6/2009 (đang sống với ông H). Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Huỳnh Thị Cẩm T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này. Trong trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

- Vì lợi ích của con chung, bà Huỳnh Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Huỳnh Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn H có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Bà Huỳnh Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn H xác định không có tài sản nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ: Bà T xác định là bà và ông H không có nợ chung. Ông H cho rằng ông và bà T có nợ, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000815 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Huỳnh Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bà Huỳnh Thị Cẩm T_(01 bản);
- Ông Nguyễn Văn H_(01 bản);
- UBND xã P, huyện C,
tỉnh Bến Tre_(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách_(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C_(01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre_(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án_(01 bản), Vp_(01 bản), Bp_(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền